TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

B1 án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 29/4/2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng
2. Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS, ngày 18/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QTVN.

Địa chỉ: Tầng 1 – 2 Tòa nhà S – 111 A, phường BN, Quận N, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trí M, sinh năm 1984. (Có mặt)

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Văn B1, sinh năm 1972 bà Đinh Thị T, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/7/2017 Ngân hàng TMCP QTVN ký hợp đồng tín dụng số 0925/HDDTD-VIB601/17 với khách hàng Trần Văn B1 và Đinh Thị T. Hợp đồng có nội dung thỏa thuận thỏa thuận: Ngân hàng cho ông B1 bà T vay số tiền

640.000.000 đồng; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày 23/7/2017 đến ngày 22/7/2024; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,09%/ năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,99%/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; ngày 20 hàng tháng khách hàng phải trả số tiền gốc là 7.619.000 đồng và lãi suất phát sinh. Mục đích ông B1 bà T vay là để mua xe ô tô biển kiểm sát 93B-008.97 và tiêu dùng.

Ngày 16/8/2018 Ngân hàng TMCP QTVN tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 1400/HDDTD-VIB601/18 với khách hàng Trần Văn B1 và Đinh Thị T. Hợp đồng có nội dung thỏa thuận: Ngân hàng cho ông B1 bà T vay số tiền 490.000.000 đồng; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 17/8/2018 đến ngày 16/8/2021; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,19%/ năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,29%/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; ngày 20 hàng tháng khách hàng phải trả số tiền gốc là 6.805.000 đồng và lãi suất phát sinh. mục đích vay là để mua xe ô tô biển kiểm sát 93A-128.64 và tiêu dùng.

Ngày 12/12/2019 ông B1 bà T thống nhất để bà T ký văn bản thỏa thuận đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của Ngân hàng TMCP QTVN(VIB), số thẻ 5138920000311491 ngày cấp 17/12/2019 hạn mức thẻ là 54.000.000đ. Lãi suất, phí theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía Ngân hàng đã giải ngân cho ông B1 bà T các khoản vay như hợp đồng, nhưng phía ông B1 bà T luôn vi phạm nghĩa vụ, nên ngày 20/11/2020 Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 25/11/2021 ông B1 bà T đã thanh toán được một phần tiền gốc cùng lãi suất và còn nợ lại Ngân hàng các khoản cụ thể như sau:

Tiền vay gốc Hợp đồng tín dụng số 0925/HDDTD-VIB601/17, ngày 21/7/2017 thanh toán được 297.159.838 đồng, còn lại 342.840.162 đồng; thanh toán được 178.319.537 đồng tiền lãi, còn lại 41.419.122 đồng tiền lãi.

Tiền vay gốc Hợp đồng tín dụng số 1400/HDDTD-VIB601/18, ngày 16/8/2018 thanh toán được 314.094.000 đồng, còn lại 175.906.000 đồng; thanh toán được 98.077.434 đồng tiền lãi, còn lại 49.733.917 đồng tiền lãi.

Số tiền nợ gốc thẻ tín dụng là 31.805.347 đồng và 15.489.625 đồng lãi suất.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nêu trên, tổng cộng số tiền yêu cầu trả là 687.234.173 đồng và phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 26/11/2021. Ngoài ra không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn yêu cầu trả các khoản vay cùng lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (29/4/2022) như sau:

Tiền vay gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng số 0925/HDDTD-VIB601/17, ngày 21/7/2017 là 342.840.162 đồng. Lãi suất trong hạn 3.579.380 đồng và 96.159.054 đồng quá hạn.

Tiền vay gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng số 1400/HDDTD-VIB601/18, ngày 16/8/2018 là 175.906.000 đồng. Lãi suất trong hạn 4.367.305 đồng và 60.277.632 đồng quá hạn.

Số tiền nợ gốc thẻ tín dụng số thẻ 5138920000311491 là 31.805.347 đồng và 14.450.170 đồng lãi luất, phí chậm thanh toán 5.147.646 đồng. Trong đó phí và lãi được công bố trên cổng Webside của Ngân hàng, cụ thể phí chậm thanh toán là tính 4% trên tổng số tiền chậm thanh toán, áp dụng trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ theo B1 sao kê. Về Lãi suất áp dụng là 3%/ tháng trong 03 tháng đầu tiên, việc tính lãi suất được dụng sau 45 ngày khách hàng rút tiền mà không nộp lại, sau 3 tháng thì tính theo mức 2.83% đến 3.3%/tháng áp dụng cho giao dịch mua sắm và thanh toán, nhưng trường hợp ông B1 bà T phía Ngân hàng chỉ áp dụng mức lãi suất 2.5%/tháng.

Ngoài ra không yêu cầu giải quyết gì thêm.

***Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông B1 Bà T thống nhất trình bày*:**

Ông bà là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình từ năm 1998.

Ông bà xác định đã ký các hợp đồng tín dụng với phía Ngân hàng, ký hợp đồng mở thẻ và được cấp thẻ tín dụng. Trong đó số tiền trong thẻ đã sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm và sử dụng thanh toán tiền mua sắm tại siêu thị.

Ông bà đã trả tiền gốc và lãi được một thời gian đúng kỳ hạn, nhưng sau đó không trả được do gặp khó khăn về kinh tế. Hiện nay Ngân hàng khởi kiện thì ông bà đề nghị phía Ngân hàng đối chiếu xác định các khoản mà ông bà đã thanh toán, khoản nào chưa thanh toán thì đồng ý trả theo quy định. Tuy nhiên, do gặp khó khăn về kinh tế nên chưa thể thanh toán hết cho Ngân hàng mà đề xuất phương án trả nợ trong thời gian tới là trả nợ từng khoản mua xe để Ngân hàng trả lại giấy đăng ký xe, ông bà có điều kiện thực hiện việc kinh doanh. Ngoài ra ông bà không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng và ký điều khoản thỏa thuận mở thẻ và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về sự có mặt các đương sự: Phiên tòa đã mở lần thứ hai, bị đơn đã được tiệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án các bên thừa nhận: Bị đơn có vay và nợ của nguyên đơn các khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0925/HDDTD-VIB601/17, ngày 21/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 1400/HDDTD-VIB601/18, ngày 16/8/2018, Văn B1 đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12/12/2019, hạn mức thẻ là 54.000.000 đồng. Trong đó đã dùng để thanh toán tiền mua bảo hiểm là và mua sắm tại siêu thị tổng cộng là 31.805.347. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán được theo hàng tháng, nộp tiền vào tài khoản sau khi đã rút sử dụng như nội dung hợp đồng tín dụng và văn bản đề nghị mở thẻ đã ký nên ngày 20/11/2020 nguyên đơn đã chuyển thành nợ quá hạn, yêu cầu bị đơn thanh toán, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán được.

Căn cứ nội dung các hợp đồng tín dụng và Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản mà đã ký kết thể hiện việc thỏa thuận các đương sự là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Căn cứ lời khai các đương sự và bản chiết tính về gốc và lãi đã trả của phía nguyên đơn thể hiện đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản như sau:

Số tiền vay gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 0925/HDDTD-VIB601/17, ngày 21/7/2017 là 342.840.162 đồng. Lãi suất trong hạn 3.579.380 đồng và 96.159.054 đồng lãi quá hạn.

Số tiền vay gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 1400/HDDTD-VIB601/18, ngày 16/8/2018 là 175.906.000 đồng và Lãi suất trong hạn 4.367.305 đồng và 60.277.632 đồng lãi quá hạn.

Số tiền nợ gốc của thẻ tín dụng số 5138920000311491 là 31.805.347 đồng và 14.450.170 đồng lãi suất; phí chậm thanh toán 5.147.646 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng ý trả tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sau khi đã trừ các khoản đã thanh toán và đề xuất phương án trả nợ là trả nợ từng khoản. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý; bị đơn không tham gia phiên tòa và phía nguyên đơn không đồng ý theo ý kiến của bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở và được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn B1 bà Đinh Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP QTVN số tiền, gồm:

Số tiền vay gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng số 0925/HDDTD-VIB601/17, ngày 21/7/2017 là 342.840.162 đồng. Lãi suất trong hạn là 3.579.380 đồng và 96.159.054 đồng lãi suất quá hạn.

Số tiền vay gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng số 1400/HDDTD-VIB601/18, ngày 16/8/2018 là 175.906.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 4.367.305 đồng và 60.277.632 đồng lãi suất quá hạn.

Số tiền nợ gốc thẻ tín dụng số thẻ tín dụng số 5138920000311491 là 31.805.347 đồng và 14.450.170 đồng lãi, phí chậm thanh toán là 5.147.646 đồng.

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 734.532.696 đồng, làm tròn là 734.532.000 đồng.

Kể từ ngày 30/4/2022 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 0925/HDDTD-VIB601/17, ngày 21/7/2017; Hợp đồng tín dụng số 1400/HDDTD-VIB601/18, ngày 16/8/2018 và Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12/12/2019.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trần Văn B1 bà Đinh Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm vụ án là 33.381.307 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm ứng án phí là 15.964.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lường Văn Tình